

Số: 1334/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 24 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của  
Sở Lao động Thương binh và Xã hội/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/  
Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 60/TTr-SLĐTBXH ngày 17 tháng 4 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 163 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương (Cụ thể: 114 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 26 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; 23 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã; Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội/Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban dân nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC – VPCP;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, KSTT, VX, Website;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, Hiệu. 35<sup>b</sup>



**CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Liêm**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI/ỦY BAN NHÂN DÂN  
CẤP HUYỆN/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**PHẦN I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: (114 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính		Trang
<b>I. Lĩnh vực lao động ngoài nước: (02 TTHC)</b>			
1	1	Thủ tục Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	01
2	2	Thủ tục Đăng ký hợp đồng cá nhân	06
<b>II. Lĩnh vực An toàn lao động: (11 TTHC)</b>			
3	1	Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa.	10
4	2	Thủ tục Báo cáo công tác An toàn, vệ sinh lao động.	13
5	3	Thủ tục Thông báo về việc tuyển dụng lần đầu người dưới 15 tuổi vào làm việc.	18
6	4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A, Hạng B, hạng C	21
7	5	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý.	26
8	6	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý.	28
9	7	Thủ tục thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện	30

		an toàn, vệ sinh lao động hạng A, hạng B, hạng C.	
10	8	Thủ tục khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	34
11	9	Thủ tục hỗ trợ huấn luyện thông qua tổ chức huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	37
12	10	Thủ tục hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	48
13	11	Thủ tục hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	60
<b>III. Lĩnh vực Việc làm: (19 TTHC)</b>			
14	1	Thủ tục Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp.	64
15	2	Thủ tục tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp.	68
16	3	Thủ tục tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp.	70
17	4	Thủ tục chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.	73
18	5	Thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi).	77
19	6	Thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến).	80
20	7	Thủ tục giải quyết hỗ trợ học nghề.	82
21	8	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm.	86
22	9	Thủ tục thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng.	90
23	10	Thủ tục giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.	93
24	11	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	96
25	12	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	98
26	13	Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	100
27	14	Thủ tục báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.	102
28	15	Thủ tục đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài.	107
29	16	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	112

30	17	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	119
31	18	Thủ tục cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	126
32	19	Thủ tục thu hồi giấy phép lao động.	131
<b>IV. Lĩnh vực Thanh tra: (02 TTHC)</b>			
33	1	Thủ tục Gửi biên bản điều tra tai nạn lao động và biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra TNLĐ đến Thanh tra Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (nếu có).	133
34	2	Thủ tục gửi báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động.	135
<b>V. Lĩnh vực Lao động tiền lương, quan hệ lao động: (08 TTHC)</b>			
35	1	Thủ tục thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động.	140
36	2	Thủ tục báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động.	142
37	3	Thủ tục báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.	145
38	4	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp.	147
39	5	Thủ tục phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty TNHH Một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu.	149
40	6	Thủ tục xếp hạng công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III).	156
41	7	Thủ tục gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp.	161
42	8	Thủ tục Thông báo việc tổ chức làm thêm giờ từ 200 giờ đến 300 giờ.	165
<b>VI. Lĩnh vực Người có công: (29 TTHC)</b>			
43	1	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động.	167
44	2	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần.	170
45	3	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần.	175
46	4	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:	179

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù;</li> <li>- Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú;</li> <li>- Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ;</li> <li>- Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra</li> </ul>	
47	5	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ.	182
48	6	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác.	186
49	7	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	188
50	8	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	192
51	9	Thủ tục giám định vết thương còn sót.	197
52	10	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh.	199
53	11	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	201
54	12	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	205
55	13	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	208
56	14	Thủ tục giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	213
57	15	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	216
58	16	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công.	219
59	17	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	222
60	18	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	226
61	19	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	229
62	20	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ.	234
63	21	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ	236

		quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết.	
64	22	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	241
65	23	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	246
66	24	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ.	249
67	25	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình.	251
68	26	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	254
69	27	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ.	257
70	28	Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia.	261
71	29	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	271
<b>VII. Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội: (08 TTHC)</b>			
72	1	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	274
73	2	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	284
74	3	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	287
75	4	Thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	290
76	5	Thủ tục Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	294
77	6	Thủ tục Đưa người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Cơ sở cai nghiện ma túy.	298
78	7	Thủ tục Chế độ thăm gặp đối với học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy.	302
79	8	Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy.	308
<b>VIII. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: (24 TTHC)</b>			

80	1	Thủ tục công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực.	310
81	2	Thủ tục miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực.	314
82	3	Thủ tục công nhận trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.	316
83	4	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	318
84	5	Thủ tục thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	330
85	6	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	341
86	7	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	344
87	8	Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	346
88	9	Thủ tục đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	348
89	10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.	350
90	11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.	362
91	12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp.	372
92	13	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	375
93	14	Thủ tục cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	378
94	15	Thủ tục cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn	380

		đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp).	
95	16	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	383
96	17	Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp công lập thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	386
97	18	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	389
98	19	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Sở, UBND cấp huyện.	391
99	20	Thủ tục thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tự thực.	393
100	21	Thủ tục bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc Sở, UBND cấp huyện.	396
101	22	Thủ tục công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tự thực.	413
102	23	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập Sở, UBND cấp huyện.	419
103	24	Thủ tục xác nhận mẫu phôi chứng chỉ sơ cấp, mẫu phôi bản sao chứng chỉ sơ cấp.	421
<b>IX. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: (11 TTHC)</b>			
104	1	Thủ tục Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.	423
105	2	Thủ tục Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật.	425
106	3	Thủ tục đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	427
107	4	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	433
108	5	Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	435
109	6	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	438
110	7	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ	442

		sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	
111	8	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	444
112	9	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	447
113	10	Thủ tục tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	449
114	11	Thủ tục dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	452

**II. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện: (26 TTHC)**

<b>I. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)</b>			
1	1	Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.	454
2	2	Thủ tục hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện.	457
3	3	Thủ tục miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện.	460
<b>II. Lĩnh vực Người có công: (03 TTHC)</b>			
4	1	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ.	463
5	2	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	467
6	3	Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân.	468
<b>III. Lĩnh vực Lao động tiền lương, quan hệ lao động: (02 TTHC)</b>			
7	1	Thủ tục gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp.	472
8	2	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền.	473
<b>IV. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: (16 TTHC)</b>			
9	1	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi).	474
10	2	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Dương.	488
11	3	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Dương.	489
12	4	Thủ tục hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.	491
13	5	Thủ tục hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng).	493
14	6	Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.	501

15	7	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.	503
16	8	Thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng.	504
17	9	Thủ tục đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	509
18	10	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	515
19	11	Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	517
20	12	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	520
21	13	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có cấp phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp.	524
22	14	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	526
23	15	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	529
24	16	Thủ tục dừng trợ cấp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	531
<b>V. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: (01 TTHC)</b>			
25	1	Thủ tục bổ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên công lập trực thuộc UBND cấp huyện.	534
<b>VI. Lĩnh vực An toàn lao động (01 TTHC)</b>			
26	1	Thủ tục hỗ trợ chi phí huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	548

**III. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã: (23 TTHC)**

<b>I. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội: (05 TTHC)</b>			
1	1	Thủ tục quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình.	551
2	2	Thủ tục quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng.	552
3	3	Thủ tục hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.	553
4	4	Thủ tục miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.	554
5	5	Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.	555
<b>II. Lĩnh vực Người có công: (02 TTHC)</b>			
6	1	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ.	558
7	2	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.	561
<b>III. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: (08 TTHC)</b>			
8	1	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.	563
9	2	Thủ tục đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.	567
10	3	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.	569
11	4	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng.	573
12	5	Thủ tục Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em.	577
13	6	Thủ tục đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em.	579
14	7	Thủ tục xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn năm 2016-2020 thuộc diện đối tượng ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.	580
15	8	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	583
<b>IV. Lĩnh vực Giảm nghèo: (02 TTHC)</b>			
16	1	Thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh trong năm.	586

17	2	Thủ tục công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm.	590
<b>V. Lĩnh vực Trẻ em: (06 TTHC)</b>			
18	1	Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	592
19	2	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	598
20	3	Thủ tục phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	602
21	4	Thủ tục đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em.	612
22	5	Thủ tục thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em.	615
23	6	Thủ tục chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	621